6

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 1466 /QĐ-UBND	*Vũng Tàu, ngày 27 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị được hợp nhất tại Văn bản số 49/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng đã được hợp nhất tại Văn bản số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định về quản lý cây xanh đô thị đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BXD ngày 13/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1400/2006/QĐ-UB ngày 10/5/2006 của UBND tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Nam Sân bay, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBT ngày 08/12/1997 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá, phường 2, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Văn bản số 2742/UBND-VP ngày 27/03/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc chủ trương đầu tư Khu công viên Ao cá tại đường Võ Thị Sáu, phường 2, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Văn bản số 4280/UBND-VP ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá tại đường Võ Thị Sáu, phường 2, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị Quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/04/2019 của HĐND thành phố Vũng Tàu về chủ trương đầu tư dự án Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 08/7/2014 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 792/TB-UBND ngày 18/02/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc kết luận cuộc họp Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu;

Theo các Văn bản của các Sở ngành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu góp ý kiến về nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu: Văn bản số 3108/SXD-QHKT ngày 04/10/2019 của Sở Xây dựng; Văn bản số 5945/STNMT-CCQLĐĐ ngày 09/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 2270/SGTVT-KHTC ngày 15/10/2019 của Sở Giao thông vận tải;

Trên cơ sở phiếu lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu được UBND phường 2 tổng hợp kết quả lấy ý kiến tại Văn bản số 1192/UBND-XD ngày 07/11/2019;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng 2 tại Tờ trình số 877/TTr-ĐTXD2 ngày 13/8/2019 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu và Báo cáo số 723/BC-QLĐT ngày 24/3/2020 của phòng Quản lý đô thị về việc thẩm định Nhiệm điều chỉnh quy hoạch quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên Ao cá phường 2, thành phố Vũng Tàu với nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới điều chỉnh quy hoạch:

Khu vực điều chỉnh quy hoạch có giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp : Đường Lạc Long Quân lộ giới 20,5m và khu dân cư;
- Phía Nam giáp : Đường Phan Chu Trinh lộ giới 13,5m và khu dân cư;
- Phía Đông giáp : Đường Võ Thị Sáu lộ giới 26,0m và khu dân cư;
- Phía Tây giáp : Đường Phạm Đình Hổ lộ giới 13,0m và khu dân cư.

Thuộc địa phận Phường 2, thành phố Vũng Tàu.

2. Quy mô và tính chất:

a) Quy mô: Diện tích điều chỉnh khoảng 52.678 m^2 (khoảng 5,27 ha).

- Quy mô dân số dự kiến: khoảng 300 người (tại khu nhà ở cải tạo tại góc đường Võ Thị Sáu và Lạc Long Quân).

b) Tính chất: Khu công viên công cộng đơn vị ở cấp phường phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi và vui chơi giải trí cho nhân dân kết hợp hồ điều hòa khu vực của thành phố Vũng Tàu (Giữ nguyên theo nội dung Quyết định số 3368/QĐ-UBT ngày 08/12/1997 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng mặt bằng khu đất lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, cơ cấu quỹ đất được phân thành các loại sau:

- Đất ở.
- Đất công trình công cộng.
- Đất công viên cây xanh - khu vui chơi trẻ em.
- Mặt nước (hồ điều hòa khu vực).
- Đất giao thông.

BẢNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Quy hoạch phê duyệt năm 1997		Điều chỉnh quy hoạch	
		Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	4.000,0	7,3	4.542,0	8,5
2	Đất công trình công cộng	1.300,0	2,4	80,0	0,2
3	Đất công viên cây xanh - khu vui chơi trẻ em	7.700,0	14,0	10.947,0	20,8
4	Mặt nước (hồ điều hòa)	21.000,0	38,2	17.748,0	33,7
5	Đất giao thông	21.000,0	38,2	19.361,0	36,8
	Tổng cộng	**55.000,0**	**100,0**	**52.678,0**	**100,0**

4. Phân khu chức năng:

Tổng mặt bằng khu đất lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, dự kiến phân các khu chức năng như sau:

- Đất xây dựng nhà ở: Khu dân cư hiện hữu góc đường Lạc Long Quân và đường Võ Thị Sáu (Giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt).

- Đất xây dựng công trình công cộng: Nhà vệ sinh công cộng.

- Đất công viên cây xanh - khu vui chơi trẻ em.

- Mặt nước: Hồ điều hòa khu vực và cảnh quan khu vực xung quanh hồ.

- Đất giao thông, bao gồm: giao thông đối ngoại, giao thông nội bộ, bãi đậu xe và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Mật độ xây dựng gộp (brut-tô) khu công viên công cộng: Tối đa ≤ 5%.

- Mật độ xây dựng khu nhà ở cải tạo tại góc đường Võ Thị Sáu và Lạc Long Quân: Tuân thủ theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng (QCXDVN: 01/2008/BXD) và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố Vũng Tàu được UBND thành phố Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 08/7/2014.

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Căn cứ theo QCXDVN: 01/2008/BXD và sẽ được xác định trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: cấp điện, cấp nước, thoát nước,... căn cứ theo Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch san nền:

- Xác định cao độ xây dựng: Dựa trên cao độ thực tế địa hình

- Tính toán khối lượng đào đắp.

- Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật như taluy, tường chắn, ổn định công trình, phòng chống ngập úng cục bộ.

- Thiết kế mạng lưới thoát nước mưa.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung vào hệ thống thoát nước chung của đô thị.

- Dự báo lưu lượng thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

- Các giải pháp và phương án thiết kế.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

b) Quy hoạch giao thông:

Các tuyến giao thông đối ngoại, nội bộ tuân thủ theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bắc Sân bay thành phố Vũng Tàu và các quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Xác định lộ giới, chỉ giới xây dựng, mặt cắt và thông số kỹ thuật của các tuyến đường.

- Thiết kế chỗ đỗ xe, chỗ quay đầu xe.

- Tính toán các chỉ tiêu KTKT của mạng lưới và các tuyến.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Xác định chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước;

- Quy mô các công trình cấp nước;

- Các giải pháp cấp nước;

- Thiết kế mạng lưới cấp nước (chỉ cho cấp nước tập trung);

- Tính toán kinh phí đầu tư.

d) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Căn cứ vào hiện trạng khu đất thực tế.

- Xác định chỉ tiêu khối lượng nước thải và chất thải rắn;

- Thiết kế mạng lưới thoát và xử lý nước thải;

- Tổ chức thu gom và xử lý chất thải rắn;

- Tính toán kinh phí đầu tư.

đ) Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng:

- Xác định chỉ tiêu, nhu cầu sử dụng điện.

- Chỉ tiêu cấp điện công trình.

- Chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng.

- Thiết kế mạng lưới cấp điện công trình và chiếu sáng đường, sân vườn, khuôn viên cây xanh.

- Tính toán kinh phí đầu tư.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc - cáp truyền hình:

- Xác định chỉ tiêu, nhu cầu sử dụng thông tin liên lạc và cáp truyền hình;

- Các giải pháp và phương án thiết kế;

- Tính toán kinh phí đầu tư.

g) Quy hoạch cây xanh:

- Thiết kế quy hoạch các khu vực trồng cây xanh;

- Xác định các loại cây xanh phù hợp với quy hoạch cây xanh thành phố Vũng Tàu;

- Xác định chi phí trồng cây xanh.

(Hồ sơ hạ tầng kỹ thuật được thể hiện trong các bản vẽ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kèm theo Quyết định phê duyệt và sẽ được thiết kế cụ thể chi tiết trong hồ sơ dự án đầu tư, thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật thi công công trình, trên cơ sở thỏa thuận đấu nối với các cơ quan quản lý chuyên ngành).

7. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Nghiên cứu, xác định các công trình điểm nhấn trong không gian khu vực quy hoạch theo các hướng, tầm nhìn khác nhau; Tầng cao xây dựng công

trình cho từng lô đất, và cho từng khu vực; khoảng lùi công trình.

- Nghiên cứu hình khối, màu sắc, ánh sáng, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; hệ thống cây xanh đô thị; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, xác định cốt đường, cốt vỉa hè, cốt nền công trình, chiều cao khống chế công trình trên từng tuyến phố.

- Quy định về quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị bao gồm chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng nền đường, cốt xây dựng vỉa hè cho tất cả các tuyến đường; quy định chiều cao tối đa cho công trình; quy định hình khối kiến trúc, mặt đứng, mái hiên, ô văng, ban công của các công trình; quy định màu sắc, ánh sáng, vật liệu xây dựng công trình.

8. Yêu cầu về kết nối hạ tầng kỹ thuật:

- Việc lập quy hoạch khu ở ưu tiên theo hướng tận dụng khai thác tiềm năng, khái thác tối ưu những điều kiện tự nhiên sẵn có theo hướng cộng sinh.

- Tổ chức không gian phù hợp với phân khu chức năng khu ở. Tận dụng địa hình tự nhiên, tránh làm thay đổi, ảnh hưởng nhiều đến tiềm năng khai thác, đến môi trường sinh thái của khu vực.

- Bố trí hệ thống kỹ thuật phù hợp với đấu nối vào quy hoạch chung, quy phân khu, đạt hiệu quả cao về thẩm mỹ, về đầu tư và khai thác sử dụng.

- Ưu tiên khai thác, tận dụng các công trình hiện hữu nghiên cứu, tổ chức thêm những chức năng còn thiếu phù hợp với quy chuẩn, quy phạm đề ra, phù hợp với tình hình phát triển thực tế của địa phương.

9. Đánh giá môi trường chiến lược, tác động môi trường:

- Tuân thủ quy định hiện hành về đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch chi tiết.

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường;

- Đề xuất các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trước khi lập thủ tục đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

10. Dự kiến các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng:

a) Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng.

b) Các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng:

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông; Xây dựng kè xung quanh

ao để bảo vệ, chống sạt lở, xói mòn; Nạo vét lòng hồ, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường.

- Khu Công viên cây xanh; Khu vui chơi trẻ em; Nhà vệ sinh công cộng.

- Khu ở hiện hữu cải tạo: Do người dân thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng.

11. Hồ sơ sản phẩm:

Yêu cầu nội dung, quy cách và thành phần hồ sơ theo Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ được hợp nhất tại Văn bản số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng.

11.1. Thành phần bản vẽ:

a) Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.

b) Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

c) Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

d) Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

đ) Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

e) Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

g) Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

h) Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷlệ 1/500;

i) Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có). Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

k) Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

11.2. Thuyết minh: Nội dung thuyết minh của hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết đô thị bao gồm:

a) Xác định chỉ tiêu về dân số, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu sử dụng đất và yêu cầu về bố trí công trình đối với từng lô đất; bố trí mạng lưới các

công trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới lô đất.

b) Xác định vị trí, quy mô các khu đặc trưng cần kiểm soát, các nội dung cần thực hiện để kiểm soát và các quy định cần thực hiện.

c) Các giải pháp về thiết kế đô thị, kiến trúc công trình cụ thể và cảnh quan khu vực quy hoạch.

d) Xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (các công trình công cộng ngầm, các công trình nhà cao tầng có xây dựng tầng hầm, ...)

đ) Phân tích, đánh giá về tác động môi trường phù hợp với nội dung đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch chung đã được phê duyệt.

e) Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

Thuyết minh đồ án quy hoạch chi Tiết đô thị phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

3. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi Tiết đô thị: Nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

4. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

5. Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

11.3. Số lượng hồ sơ:

- 01 đĩa CD bao gồm toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch.
- Số lượng sản phẩm quy hoạch được lập: 07 bộ.

12. Chi phí lập quy hoạch và nguồn vốn:

a) Chi phí lập, thẩm định, công bố quy hoạch, quản lý nghiệp vụ và lấy ý kiến cộng đồng dân cư sẽ được xác định theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, cụ thể:

STT	Loại chi phí	Thành tiền
1	Chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch	253.917.800 đồng
2	Chi phí lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	41.361.400 đồng
3	Chi phí thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch	27.775.800 đồng
4	Chi phí thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	7.520.300 đồng
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ	24.041.400 đồng
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	5.078.400 đồng
7	Chi phí công bố quy hoạch	7.617.500 đồng
	Tổng cộng	**367.312.600 đồng**

b) Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Vũng Tàu.

13. Tiến độ thực hiện: Thời gian lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không quá 06 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng 2 thành phố Vũng Tàu là chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 như nhiệm vụ thiết kế đã được duyệt và đúng với các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND các phường 2; Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng 2 và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- UBND tỉnh BR-VT (để b/c);
- TTr. Thành ủy Vũng Tàu (để b/c);
- TTr. HĐND và UBND TPVT;
- Các Sở: XD, TN&MT, TC, GT-VT, KH&ĐT;
- Ban biên tập trang thông tin điện tử TPVT;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân thành phố Vũng Tàu
Email: vungtau@baria-vungtau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày ký: 27-03-2020 14:58:19 +07:00

Vũ Hồng Thuân